

Y TẾ
C QUẢN LÝ DƯỢC
ĐÃ PHÊ DUYỆT

Lần đầu: 06/10/2015

THÀNH PHẦN: Mỗi viên nang mềm có chứa:
Alverin citrat 60 mg
Simethicon 300 mg

**CHỈ ĐỊNH, CHỐNG CHỈ ĐỊNH, LIỀU LƯỢNG VÀ CÁCH DÙNG,
THẬN TRỌNG VÀ TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN, CÁC
THÔNG TIN KHÁC:** Xin xem toa thuốc bên trong hộp

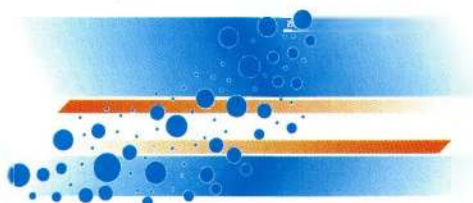
BẢO QUẢN: Bảo quản dưới 30°C, tránh ánh sáng

**ĐỂ XA TÂM TAY TRÉ EM
ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG**

Visa No./ SDK : DNNK :
Lot No./ Số lô SX :
Mfg. Date/ NSX :
Exp. Date/ HD :

10 Blisters x 10 Soft Caps.

UCEFRAZ
SOFT CAPSULE



KMS Manufactured in Korea by:
KMS Pharm. Co., Ltd.
236, Siwon-ro, Yeongtong-gu, Suwon-si, Gyeonggi-do, Korea

UCEFRAZ
SOFT CAPSULE

COMPOSITION: Each soft capsule contains:
Alverine citrate 60 mg
Simethicone 300 mg

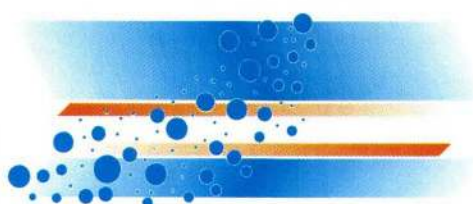
**INDICATION, CONTRAINDICATION, DOSAGE &
ADMINISTRATION, PRECAUTIONS, SIDE EFFECT
AND OTHER INFORMATION:**
Please refer to the package insert paper.

STORAGE: Store below 30°C, protect from light

**KEEP OUT REACH OF CHILDREN
READ CAREFULLY THE PACKAGE INSERT BEFORE USE**

10 Vĩ x 10 Viên nang mềm

UCEFRAZ
SOFT CAPSULE



KMS Sản xuất tại Hàn Quốc bởi:
KMS Pharm. Co., Ltd.
236, Siwon-ro, Yeongtong-gu, Suwon-si, Gyeonggi-do, Hàn Quốc

UCEFRAZ
SOFT CAPSULE



Kyoungjo



**Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.
Nếu cần thêm thông tin, xin hỏi ý kiến thầy thuốc.**

UCEFRAZ Viên nang mềm



THÀNH PHẦN:

Mỗi viên nang mềm chứa

Alverin citrat60 mg

Simethicon300 mg

Tá dược: Gelatin, Glycerin đậm đặc, Sorbitol lỏng, Ethyl vanilin, Titan oxyd, KPTaCS, sáp carnauba, Fractionated coconut oil.

DƯỢC LỰC HỌC:

Thuốc chống co thắt hướng cơ/ chống đầy hơi.

Alverin citrat là chất chống co thắt hướng cơ giống như papaverin, không thuộc nhóm atropine.

Simethicon là một chất trơ, không có tác dụng dược lý. Nó làm giảm sức căng bề mặt của các bong bóng hơi, làm cho bong bóng hơi bị phân tán hoặc hợp nhất thành một khối hơi và bị đẩy ra ngoài theo nhu động ruột.

DƯỢC ĐỘNG HỌC:

Sau khi hấp thu từ đường tiêu hóa, alverin citrat chuyển hóa nhanh thành chất chuyển hóa có hoạt tính, nồng độ cao nhất trong huyết tương đạt được sau khi uống 1 – 1,5 giờ. Sau đó thuốc được chuyển hóa tiếp thành các chất không còn hoạt tính và được thải trừ ra nước tiểu bằng bài tiết tích cực ở thận.

CHỈ ĐỊNH

Điều trị triệu chứng no hơi đầy hơi.

LIỀU DÙNG VÀ CÁCH DÙNG:

Liều dùng cho người lớn: 1 viên x 2-3 lần/ngày.

Uống thuốc trước bữa ăn

CHỐNG CHỈ ĐỊNH:

Không dùng thuốc này nếu bệnh nhân có tiền sử mẫn cảm với bất cứ thành phần nào của thuốc này.

THẬN TRỌNG VÀ CẢNH GIÁC:

Không nên dùng cho phụ nữ có thai và cho con bú mà không có ý kiến của bác sĩ.

TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN:

Hiếm có trường hợp nổi mề đay, đôi khi có phù thanh quản, sốc.

Hiếm có trường hợp bị tổn thương gan, hồi phục lại khi ngưng thuốc.

Thông báo cho thầy thuốc những tác dụng không mong muốn có liên hệ đến sự sử dụng thuốc.

SỬ DỤNG Ở PHỤ NỮ CÓ THAI VÀ CHO CON BÚ:

Tốt hơn là không dùng thuốc này trong lúc mang thai và cho con bú.

TÁC DỤNG TRÊN KHẢ NĂNG LÁI XE VÀ VẬN HÀNH MÁY MÓC:

Cho đến nay chưa có báo cáo về ảnh hưởng của thuốc đối với khả năng lái xe và vận hành máy móc.

TƯƠNG TÁC THUỐC:

Không có

QUÁ LIỀU VÀ ĐIỀU TRỊ:

Triệu chứng: hạ huyết áp và triệu chứng nhiễm độc giống atropin.

Xử trí: như khi ngộ độc atropin và biện pháp hỗ trợ điều trị như hạ huyết áp.

BẢO QUẢN

Bảo quản dưới 30°C, tránh ánh sáng.

Để ngoài tầm tay trẻ em.

HẠN DÙNG: 36 tháng kể từ ngày sản xuất.

ĐỒNG GÓI: Hộp 100 viên (10 vỉ x 10 viên).

Sản xuất tại:

KMS PHARM. CO., LTD.

Địa chỉ: 236, Sinwon-ro, Yeongtong-gu, Suwon-si, Gyeonggi-do, Hàn Quốc

Tel: 82-31-2155456 Fax: 82-31-2155925



TUQ. CỤC TRƯỞNG
P. TRƯỞNG PHÒNG
Nguyễn Huy Hùng